

UBND TỈNH AN GIANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỔ KIẾN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ II NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.547.249.923.934	1.716.565.599.111
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-1.184.509.823.486	-1.137.567.625.593
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-8.939.796.000	-8.531.538.050
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-3.267.000.000	
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		-498.782.043.931	-356.686.660.125
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		486.262.783.530	196.735.710.099
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-880.698.989.362	-741.658.179.708
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		-542.684.945.315	-331.142.694.266
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-253.122.400.000	-187.026.980.758
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đv khác	24		363.061.200.000	453.393.492.100
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đv khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.651.276.223	28.378.875.872
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		135.590.076.223	294.745.387.214
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		225.000.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		225.000.000.000	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ 50 = (20+30+40)	50		-182.094.869.092	-36.397.307.052
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		227.872.260.180	180.101.242.680
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ 70 = (50+60+61)	70		45.777.391.088	143.703.935.628

LẬP BẢNG

Lâm Thị Thùy Trang

PHÓ PHÒNG TÀI VỤ KẾ TOÁN

Lưu Thị Huỳnh Phượng



Ngày 05 tháng 07 năm 2016

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lý Thanh Đan